

Số: 62/2023/QĐST-DS

TP. Vinh Long, ngày 07 tháng 11 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 27 tháng 10 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 104/2023/TLST-DS ngày 30 tháng 3 năm 2023.

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

\* **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1978; cư trú tại nhà số A, Đường A, Phường E, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

**\* Bị đơn:**

- Ông Trần Văn T1, sinh năm 1960; cư trú tại nhà số B, Đường H, Phường E, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

- Bà Thạch Thị Sa R, sinh năm 1963; cư trú tại nhà số B, Đường H, Phường E, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. (chết ngày 10/02/2021).

**Người thừa kế tham gia tố tụng của bà Thạch Thị Sa R:**

- Ông Trần Văn T1, sinh năm 1960
- Chị Trần Thị Phương U, sinh năm 1979
- Anh Trần Bá T2, sinh năm 1984
- Chị Trần Thị Phương K, sinh năm 1987
- Anh Trần Bá K1, sinh năm 1989

Cùng cư trú tại nhà số B, Đường H, Phường E, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

\* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Chị Trần Thị Phương U, sinh năm 1979; cư trú tại nhà số B, Đường H, Phường E, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

## 2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Vô hiệu hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Trần Văn T1, bà Thạch Thị Sa R với ông Nguyễn Văn T lập ngày 21/12/2020 tại Văn phòng C.

- Ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông Trần Văn T1 và hàng thừa kế của bà Thạch Thị Sa R (gồm: ông Trần Văn T1, chị Trần Thị Phương U, anh Trần Bá T2, chị Trần Thị Phương K, anh Trần Bá K1) 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất thửa 733, số tờ bản đồ 41, diện tích 101,3m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm tại khu đất Khóm D, Phường E, thành phố V, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp quyền sử dụng cho ông Trần Văn T1 vào ngày 21/11/2018.

Vào ngày 30/11/2023, ông Trần Văn T1 và hàng thừa kế của bà Sa R gồm: Ông Trần Văn T1, chị Trần Thị Phương U, anh Trần Bá T2, chị Trần Thị Phương K, anh Trần Bá K1 có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Nguyễn Văn T số tiền vay còn nợ lại 215.000.000 đồng (Hai trăm mười lăm triệu đồng).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án mà người có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ thì phải chịu tiền lãi suất theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

**3. Về án phí dân sự sơ thẩm:** Ông T1 có đơn xin miễn tiền án phí đề ngày 27/10/2023 là thuộc trường hợp người cao tuổi, được miễn nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật.

+ Chị Trần Thị Phương U, anh Trần Bá T2, chị Trần Thị Phương K, anh Trần Bá K1 tự nguyện cùng liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 4.300.000 đồng (Bốn triệu ba trăm nghìn đồng).

+ Ông T tự nguyện chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 14.300.000 đồng (Mười bốn triệu ba trăm nghìn đồng) theo biên lai tạm ứng án phí N<sup>0</sup>0001946 ngày 20/3/2023 của cơ quan Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Vĩnh Long. Số tiền chênh lệch còn lại 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng) được hoàn trả cho ông T.

**4.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

### **Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Tòa án cấp tỉnh;
- Thi hành án cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thu Thủy**